



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

MÔN

ĐẠO ĐỨC

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp 1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Trang

MÔN ĐẠO ĐỨC 1	5
Phần một: Hướng dẫn chung	5
Phần hai: Gợi ý, hướng dẫn tổ chức dạy học một số bài học đạo đức.....	45
Phần ba: Các nội dung khác.....	59

MÔN ĐẠO ĐỨC 1

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Đạo đức ở cấp Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng

Sách giáo khoa (SGK) Đạo đức là tài liệu chính thức để dạy học môn Đạo đức cho học sinh (HS) tiểu học.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (từ đây viết gọn là CTGD 2006), môn Đạo đức tuy được triển khai dạy học ở cả năm lớp 1, 2, 3, 4, 5 nhưng chỉ có SGK Đạo đức dành cho hai lớp 4 và 5; còn tài liệu dạy học môn Đạo đức ở ba lớp đầu cấp 1, 2, 3 là *Vở bài tập Đạo đức*. Trong Chương trình giáo dục phổ thông¹ (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học; từ đây viết gọn là CTGD 2018), thực hiện theo Luật Giáo dục 2019²: “Chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học quy định trong chương trình giáo dục phải được cụ thể hoá thành SGK đối với giáo dục phổ thông” (Khoản 3 Điều 8), SGK môn Đạo đức được biên soạn từ lớp 1 để làm tài liệu dạy học chính thức.

SGK Đạo đức bám sát định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo của *Nghị quyết số 29/NQ-TW* Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI): “phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực” và *Nghị quyết số 88/2014/QH13* của Quốc hội: “Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng: phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tư duy độc lập: đa dạng hoá hình thức tổ chức học tập, tăng cường hiệu quả sử dụng các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

² Ban hành theo Luật số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội khoá 14.

tin và truyền thông; giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội.”

SGK Đạo đức bám sát định hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học của *Quyết định số 404/QĐ-TTg* của Chính phủ: “Chương trình mới, SGK mới được xây dựng theo hướng coi trọng dạy người với dạy chữ, rèn luyện, phát triển cả về phẩm chất và năng lực; chú trọng giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, nhân cách, lối sống; phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và định hướng nghề nghiệp cho mỗi HS... lấy HS làm trung tâm, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, khả năng tự học của HS; tăng cường tính tương tác trong dạy và học giữa thầy với trò, trò với trò và giữa các thầy giáo, cô giáo” và CTGD 2018: “bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống”.

SGK Đạo đức bám sát: a) mục tiêu chung của CTGD 2018: “Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại”; và b) mục tiêu cụ thể của Chương trình giáo dục Tiểu học: “giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt”.

SGK Đạo đức tiếp cận quan điểm hiện đại về SGK của các nước phát triển, làm cho SGK trở thành tài liệu “tạo cơ hội giúp HS kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức (...) cung cấp cho HS nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập”¹, tạo điều kiện cho giáo viên (GV) vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm; tạo cơ hội và

¹ Mike Horsley (2018). *Những xu hướng chính của việc đổi mới và hiện đại hoá chương trình, sách giáo khoa trong thời đại số và toàn cầu hoá*, in trong “Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực” (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng chủ biên), NXBGDVN, tr.10.

khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi HS. Nếu như trước đây, SGK chủ yếu là nguồn cung cấp kiến thức thì hiện nay, SGK “sẽ ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và phát triển các kỹ năng học tập, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc cho HS”¹. Đồng thời SGK Đạo đức của CTGD 2018 kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm biên soạn SGK Đạo đức của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành nhằm đảm bảo tính nhất quán, ổn định của toàn hệ thống giáo dục, phù hợp với năng lực sự phạm thực tế của đội ngũ GV hiện nay.

SGK Đạo đức tuân thủ Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD–ĐT) *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa*² (sau đây viết gọn là *Thông tư 33/2017*); đồng thời thực hiện theo *Quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*³.

Chính tả sử dụng trong SGK Đạo đức thực hiện theo *Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*⁴.

Tư liệu, hình ảnh sử dụng trong SGK Đạo đức thực hiện theo *Nghị định số 22/2018/NĐ–CP* của Chính phủ ngày 23/2/2018 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Đạo đức bộ sách Chân trời sáng tạo

Trên cơ sở quan điểm biên soạn vừa trình bày ở trên, SGK Đạo đức bộ sách Chân trời sáng tạo (từ đây viết gọn là SGK Đạo đức CTST) có những điểm mới nổi bật sau:

¹ Nguyễn Thị Lan Phương (2018). *Sự gắn kết chương trình và sách giáo khoa phổ thông nhằm phát triển năng lực cho người học*, in trong “Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực” (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng chủ biên), NXBGDVN, tr.69-70.

² Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD–ĐT.

³ Ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HĐTV ngày 13/11/2017 của Hội đồng Thành viên NXBGDVN.

⁴ Ban hành theo Quyết định số 372/QĐ-HĐTV ngày 14/6/2019 của Hội đồng Thành viên NXBGDVN.

a. Về tính mở

Do CTGD 2018 được xây dựng theo hướng “mở” cho nên SGK Đạo đức CTST cũng được biên soạn theo hướng “mở”; cụ thể:

– Cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động, linh hoạt lựa chọn SGK, bổ sung, điều chỉnh nội dung phù hợp với điều kiện dạy và học cụ thể ở địa phương; khi sử dụng cuốn SGK Đạo đức CTST làm tài liệu dạy học chính thức, GV có thể tham khảo các cuốn SGK Đạo đức khác để có thêm những phương án dạy học hữu ích.

– SGK Đạo đức CTST một mặt đảm bảo thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của Chương trình môn Đạo đức nhưng mặt khác, tính “mở” không bắt buộc các tác giả bộ SGK này phải thiết kế sách theo khuôn mẫu của bộ SGK khác; tính “mở” cũng không bắt buộc GV phải dạy đúng và đầy đủ tất cả những gì thể hiện trong SGK. Căn cứ vào điều kiện dạy học và đối tượng HS cụ thể ở từng địa phương, GV môn học có thể chủ động, linh hoạt lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động dạy học và tham khảo các tài liệu khác, cũng như sử dụng nhiều học liệu khác để thiết kế giáo án, miễn sao đáp ứng được yêu cầu cần đạt của mỗi bài học.

b. Về cấu trúc

Quá trình dạy học môn Đạo đức theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học là quá trình chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Quá trình này chỉ được hình thành trong hoạt động và thông qua các hoạt động phù hợp, vừa sức cho nên trên cơ sở các chủ đề được quy định trong chương trình môn Đạo đức, SGK Đạo đức CTST phân xuất các chủ đề thành những bài học; mỗi bài học đều được thống nhất triển khai theo cách tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập cho HS, tạo điều kiện thuận lợi để người học thực sự đóng vai trò là chủ thể của hoạt động học.

c. Về nội dung

– Về giáo dục đạo đức, SGK Đạo đức CTST kế thừa việc xây dựng nội dung giáo dục đạo đức xoay quanh các mối quan hệ trong CTGD 2006 (với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên) nhưng thay thế các mạch nội dung bằng các phẩm chất đạo đức chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Về giáo dục kỹ năng sống, SGK Đạo đức CTST bổ sung một số bài học liên quan trực tiếp đến các kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và tự bảo vệ bản thân như: tự chăm sóc bản thân, phòng tránh tai nạn, thương tích; phòng tránh xâm hại; phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực học đường; ứng phó với tình huống nguy hiểm; thích ứng với thay đổi...

– Về giáo dục kinh tế, SGK Đạo đức CTST bổ sung một số bài học thiết thực, phù hợp, vừa sức về hoạt động tiêu dùng (tiết kiệm; quản lý tiền; tiêu dùng thông minh,...) dành cho các lớp 4, 5.

– Về giáo dục pháp luật, SGK Đạo đức CTST kế thừa nội dung giáo dục về Luật Giao thông, vai trò của chính quyền địa phương đối với trẻ em trong CTGD 2006 nhưng thay thế các kiến thức pháp luật nặng về lý thuyết bằng một số bài học thiết thực, phù hợp, vừa sức về tuân thủ quy định nơi công cộng, tuân thủ quy tắc an toàn giao thông, quyền và bổn phận của trẻ em, v.v.

Ngoài ra, vì tích hợp là một trong những đặc trưng cơ bản của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, vì môn Đạo đức chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế, tích hợp nhiều chủ đề giáo dục cần thiết như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,... và gắn bó chặt chẽ với cuộc sống thực tiễn của HS, gắn liền với các sự kiện có tính thời sự của địa phương, đất nước, thế giới, tạo sự kết nối giữa gia đình – nhà trường – xã hội cho nên phát triển hơn so với yêu cầu của CTGD 2006, SGK Đạo đức CTST trước hết đảm bảo yêu cầu tích hợp nội môn; đồng thời đảm bảo yêu cầu tích hợp liên môn với các môn học, hoạt động giáo dục gần gũi khác, trước hết là các môn Tiếng Việt, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất và Hoạt động trải nghiệm.

d. Về hình thức

Để phù hợp với đặc điểm, năng lực tư duy trực quan của HS tiểu học, SGK Đạo đức CTST chú trọng phát huy tối đa vai trò của kênh hình, hình ảnh hoá nội dung (nhất là ở các lớp đầu cấp); đảm bảo thể hiện chính xác, đẹp và hợp lý những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, v.v. Với bản in 4 màu trên giấy chất lượng tốt, hình thức mới của SGK Đạo đức CTST *một mặt* giúp HS dễ dàng hiểu và tiếp thu nhanh nội

dung, yêu cầu bài học, thực hiện tốt các hoạt động học tập cần thiết; *mặt khác* tăng thêm tính thẩm mỹ và sức hấp dẫn của sách, tạo cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái cho HS khi tiếp thu bài học.

2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1 BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

2.1. Cấu trúc sách

Tuân thủ quy định của *Thông tư 33/2017*, cấu trúc SGK Đạo đức 1 bộ sách Chân trời sáng tạo (từ đây viết gọn là SGK Đạo đức 1) bao gồm *các thành phần cơ bản: hướng dẫn sử dụng sách, lời nói đầu, giải thích thuật ngữ, mục lục, bài học*; trong đó:

Hướng dẫn sử dụng sách: Giới thiệu ngắn gọn về môn học, SGK môn học và nội dung, ý nghĩa của những hoạt động học tập chủ yếu của HS.

Lời nói đầu: Giới thiệu ngắn gọn, nhẹ nhàng, thân thiện, cởi mở với HS thông điệp về cuốn SGK như một người bạn thân thiết của các em.

Giải thích thuật ngữ: Chọn lọc, giải thích và ghi chú sự xuất hiện của một số thuật ngữ quan trọng, liên quan đến *định hướng, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học của GV*.

Mục lục: Thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu của bài học đó trong SGK.

Bài học: Giới thiệu các bài học như một chỉnh thể kiến thức, kĩ năng, thái độ liên quan trực tiếp đến mức độ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học để tổ chức các tập thể HS thực hiện hoạt động học tập trong một thời gian nhất định và theo một kế hoạch dạy học nhất định.

2.2. Cấu trúc bài học

Tuân thủ quy định ở mục 2, Điều 7 của *Thông tư 33/2017*, cấu trúc bài học trong SGK Đạo đức 1 gồm có các thành phần cơ bản: *khởi động, khám phá, luyện tập, thực hành và ghi nhớ*.

2.2.1. Đặc điểm của cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 1

Khởi động: Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *mở đầu* theo quy định của *Thông tư 33/2017* và là sự kế thừa hoạt động *Giới thiệu*

bài trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, không chỉ tạo tâm thế, hứng thú để HS chuẩn bị bước vào bài học mới như SGK hiện hành, mục đích chủ yếu của hoạt động này trong SGK Đạo đức 1 là tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến nội dung bài học; làm bộc lộ mâu thuẫn nhận thức giữa “cái đã biết” với “cái chưa biết”; từ đó làm xuất hiện nhu cầu “muốn biết”, giúp HS tự đặt ra được các vấn đề mới trong học tập; kích thích hứng thú tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề.

Khám phá: Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *kiến thức mới* theo quy định của *Thông tư 33/2017* và là sự kế thừa hoạt động *Cung cấp kiến thức* trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, trong SGK Đạo đức 1, GV không truyền thụ, cung cấp kiến thức có sẵn cho HS mà là tổ chức, hướng dẫn để HS tự nghiên cứu tài liệu học tập, tự trải nghiệm, tự phát hiện các đặc điểm, dấu hiệu, biểu hiện, bản chất, vai trò, giá trị, ý nghĩa,... của các vấn đề liên quan đến nội dung bài học cũng như cách thức thực hiện chuẩn mực hành vi phù hợp; thảo luận, chia sẻ với các bạn trong nhóm và với GV về kết quả tự nghiên cứu và khám phá,... qua đó hình thành kiến thức, kỹ năng cần lĩnh hội trong bài học. Trên cơ sở các kiến thức, kỹ năng mới, HS sẽ thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ về vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

Luyện tập: Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *luyện tập* theo quy định của *Thông tư 33/2017* và là sự kế thừa thành phần *Bài tập* trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, trong SGK Đạo đức 1, hoạt động luyện tập không chỉ đơn giản là củng cố kiến thức, kỹ năng vừa khám phá, hình thành mà chủ yếu là thiết kế các hoạt động để HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống theo hiểu biết, kinh nghiệm cá nhân; vận dụng kiến thức đã học để liên hệ thực tế bản thân, rút ra những kinh nghiệm nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi cá nhân một cách hiệu quả nhất.

Thực hành: Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *vận dụng* (ở mức độ thấp) theo quy định của *Thông tư 33/2017* và là sự kế thừa hoạt động *Thực hành* theo nguyên lý “Học đi đôi với hành” trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, trong SGK Đạo đức 1, hoạt động thực hành chủ yếu nhằm tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng...

Ghi nhớ: Về cơ bản, thành phần này là sự kế thừa mục *Ghi nhớ* trong SGK hiện hành. Đây được xem như phần tiểu kết của bài học, thể hiện cô đúc những giá trị đạo đức cốt lõi qua các danh ngôn, tục ngữ, ca dao... liên quan đến bài học.

2.2.2. Một số bài học đặc trưng

Bài 3

ANH CHỊ EM QUAN TÂM, GIÚP ĐỠ NHAU



Khởi động

Hát bài hát *Làm anh khó đấy*

(Nhạc: Nguyễn Đình Khiêm; thơ: Phan Thị Thanh Nhàn).



Khám phá

1. Xem hình và trả lời câu hỏi

Em có nhận xét gì về thái độ, việc làm của các bạn trong hai hình sau?



2. Thảo luận

Việc làm nào thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình?





3. Chia sẻ

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?



b. Kể thêm một số việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình.

c. Vì sao anh chị em trong gia đình phải quan tâm, giúp đỡ nhau?



Luyện tập

1. Xử lý tình huống

Em quan tâm, giúp đỡ anh, chị hoặc em của mình như thế nào trong những tình huống sau?



2. Liên hệ bản thân

Ở nhà, em đã quan tâm, giúp đỡ anh, chị hoặc em của mình chưa?
Nếu chưa, em cần phải làm gì?



Thực hành

1. Vẽ tranh hoặc trang trí thiệp để tặng anh, chị hoặc em của em.



2. Thực hiện những lời nói, động tác phù hợp khi:

- Buộc dây giày giúp em.
- Chải đầu, tết tóc cho em.
- Hỏi thăm khi anh, chị bị ốm.
- Chia vui với thành tích học tập của anh, chị.

**Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.**
(Ca dao)



Khởi động

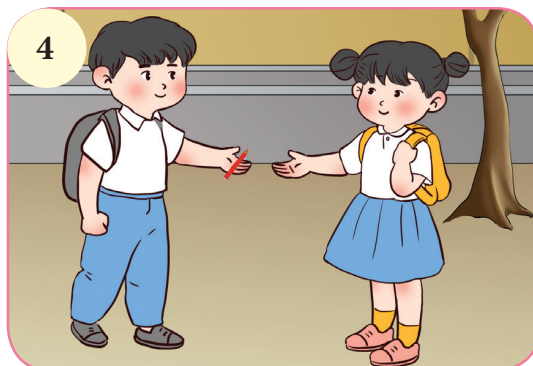
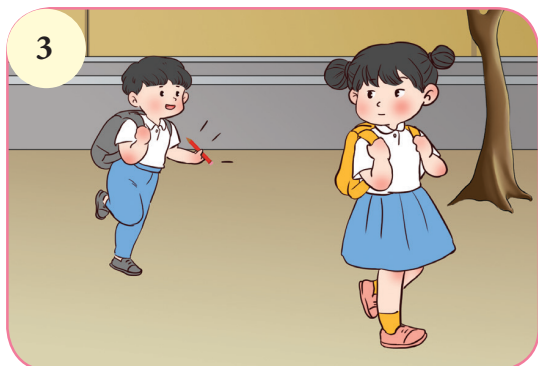
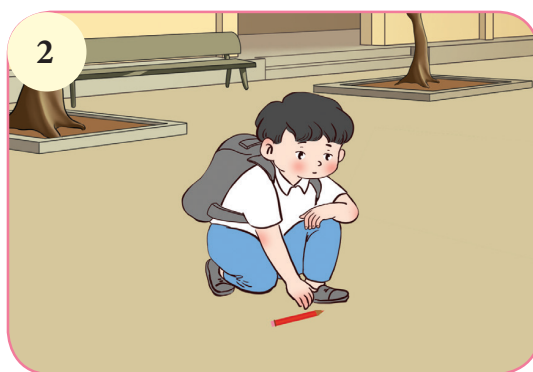
Diễn hoạt cảnh Bà Còng đi chợ.



Khám phá

1. Xem hình và trả lời câu hỏi

Bạn Thành đã có hành động gì? Qua đó, em thấy bạn Thành có đáng yêu không?



2. Thảo luận

a. Các bạn đã làm thế nào để trả lại của rơi cho người đánh mất?



b. Vì sao khi nhặt được của rơi, phải tìm cách trả lại cho người đánh mất?

3. Chia sẻ

a. Em đồng tình với ý kiến của bạn Dũng hay của bạn Hoa? Vì sao?



b. Khi nhặt được của rơi, làm thế nào để trả lại người đánh mất?



Luyện tập

1. Xử lý tình huống

Em sẽ khuyên các bạn nên làm gì trong tình huống sau?



2. Liên hệ bản thân

Kể lại một lần em hoặc bạn em nhặt được của rơi và đã trả lại cho người đánh mất.

Thực hành

1. Sắm vai để thể hiện tình huống sau:



2. Làm theo những tấm gương nhặt được của rơi trả lại người đánh mất.

Khi nhặt được của rơi, phải tìm cách trả lại người đánh mất.



Khởi động

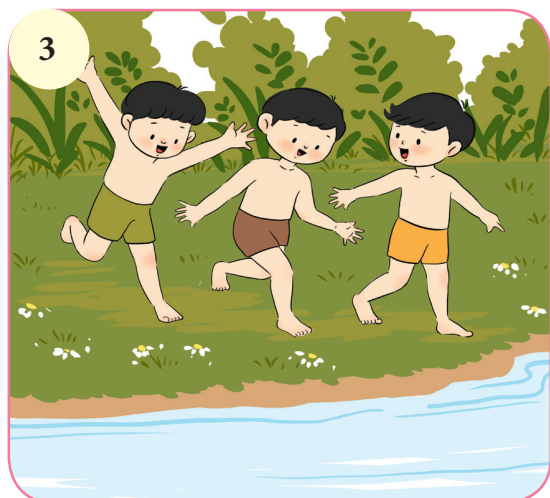
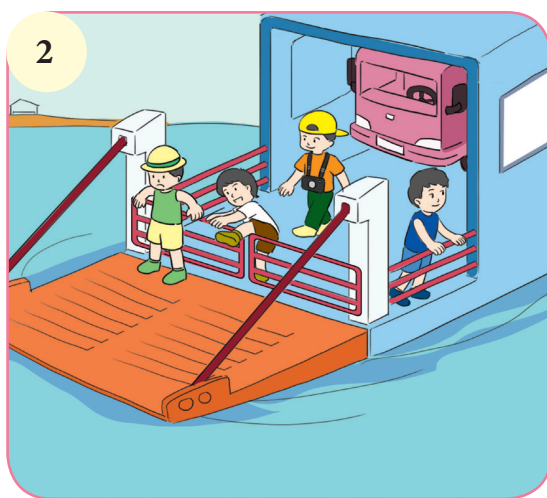
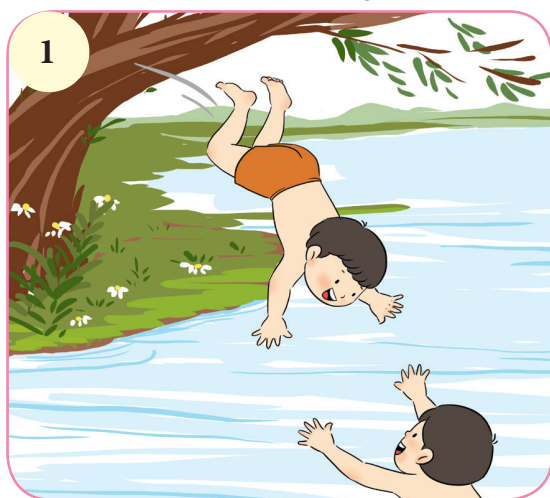
Hát bài hát *Bé tập bơi* (Nhạc và lời: Sông Trà).



Khám phá

1. Xem hình và trả lời câu hỏi

Việc làm của các bạn dưới đây có an toàn không? Việc làm đó có thể dẫn đến tai nạn gì?



2. Thảo luận

Để phòng, tránh đuối nước, các bạn trong hình phải làm gì?



3. Chia sẻ

Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?



1. Xử lý tình huống

a. Em sẽ làm gì khi gặp những tình huống sau?



b. Trời nắng nóng, bạn Nam tắm dưới ao quá lâu. Em sẽ khuyên bạn Nam điều gì?

2. Liên hệ bản thân

- a. Nhà em có gần biển, sông, suối, ao, hồ, đầm, ruộng hay kênh, rạch... không?
- b. Nếu ở gần những nơi đó, em cần chú ý điều gì?



Thực hành

1. Kỹ năng sử dụng áo phao

- a. Cách mặc áo phao.
- b. Thi mặc áo phao đúng và nhanh nhất.



2. Kỹ năng tìm kiếm trợ giúp để cứu người đuối nước:

- Gọi người lớn
- Kêu cứu
- Gọi số điện thoại cứu hộ cứu nạn 114...

Đuối nước rất nguy hiểm. Các em phải có ý thức và kỹ năng phòng, tránh đuối nước.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Đạo đức

Thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?” của CTGD 2006, CTGD 2018 chú trọng đến mục tiêu “HS biết làm gì từ những điều đã học?”. Do đó, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phân biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kĩ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức cho riêng mình...

Phù hợp với tinh thần trên, Chương trình môn Giáo dục công dân (trong đó có môn Đạo đức) đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học; đó là:

“1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Đây là những nguyên tắc chi phối toàn bộ quá trình tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân nói chung, môn Đạo đức nói riêng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Ở đây, GV cần đặc biệt lưu ý:

Theo quan niệm của CTGD 2018: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”.

Vì năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn cho nên trong dạy học môn Đạo đức, tổ chức hoạt động học tập cho HS cần được coi là hình thức dạy học chủ yếu và quan trọng nhất. Trong quá trình dạy học, để đạt được kết quả đầu ra là những hành vi và thói quen tương ứng cho HS, GV cần tạo điều kiện cho HS được hoạt động với tư cách là chủ thể hoạt động tích cực; nghĩa là quá trình dạy học cần được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

Việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt; mỗi hoạt động phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp và phản ánh được các mức độ của yêu cầu cần đạt.

b. Hoạt động phải là hoạt động của HS. GV thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường và điều kiện để HS tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo, được tự mình trao đổi, thảo luận, phân tích, đối chiếu, tìm tòi, khám phá, trải nghiệm... nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập.

c. Hình thức tổ chức các hoạt động phải đa dạng, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: hoạt động theo lớp, theo nhóm và cá nhân; hoạt động trong lớp, ngoài lớp và ngoài trường; các hoạt động tập thể, câu lạc bộ, công tác Đoàn, Đội của

HS; hoạt động thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; hoạt động sử dụng các phương tiện thông tin truyền thông hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, v.v.

3.2. Một số hướng dẫn, gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức

Như đã nói ở trên, một trong những nguyên tắc giáo dục đặc trưng của môn học là “Kết hợp sử dụng các PPDH truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...”. Ở đây cần nói thêm: bản chất của đổi mới PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học không phải được thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở chỗ các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt người học vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ và đề xuất các giải pháp hành động... hay không.

Nói cách khác, đổi mới PPDH không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV đảm bảo được nguyên tắc “HS tự mình hoàn thành nhiệm vụ học tập với sự tổ chức, hướng dẫn của GV” và tổ chức các hoạt động học tập cho HS theo phương châm “Tạo điều kiện để HS nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn”; khi GV quan tâm đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học theo nhóm, theo lớp); chú

trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hòa với các phương pháp dạy học truyền thống... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Dưới đây là một số hướng dẫn, gợi ý cụ thể giúp GV vận dụng hiệu quả hơn một số PPDH tích cực nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức.

3.2.1. Phương pháp đặt và trả lời câu hỏi

Đặt và trả lời câu hỏi tuy là một trong những PPDH cổ điển, có truyền thống lâu đời nhất nhưng cho đến nay, đây vẫn được xem là PPDH thích hợp với quan điểm dạy học hiện đại vì khả năng thiết lập quan hệ tương tác giữa GV với HS, gây hứng thú, khuyến khích, kích thích tư duy của HS, hướng HS tập trung suy nghĩ từng bước, từng khía cạnh, vấn đề, yêu cầu... của nội dung bài học; đồng thời qua việc trả lời câu hỏi của HS, GV nắm được mức độ nhận thức của các em để điều chỉnh cách dạy cho phù hợp.

Trong SGK Đạo đức 1, đặt và trả lời câu hỏi thường được xem là hoạt động đầu tiên, đưa HS tiếp cận nội dung bài học.

Ví dụ 1: Bài 1. *Mái ấm gia đình*



Khám phá

1. Xem hình và trả lời câu hỏi

Việc làm của bố, mẹ trong hình thể hiện điều gì?



Ví dụ 2: Bài 2. *Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ*



Khám phá

1. Xem hình và trả lời câu hỏi

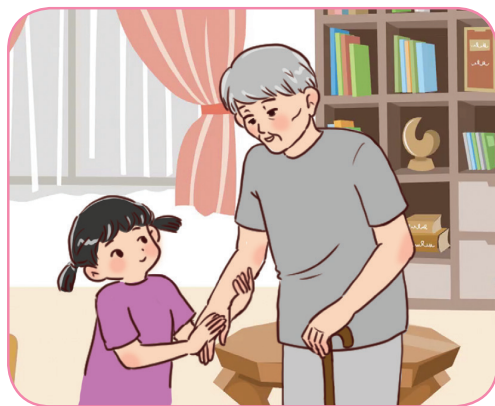
a. Trước khi đi học, bạn Minh đã có cử chỉ đáng yêu nào?



b. Bạn Mai có lễ phép vâng lời khi nghe ông dặn không?



c. Bạn Lan đã quan tâm đến ông như thế nào?



d. Hai bạn đã làm gì để thể hiện tình yêu thương đối với mẹ?

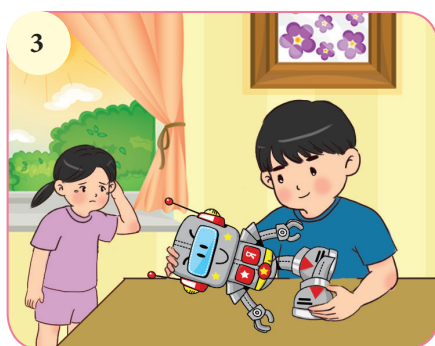


Tuy nhiên, trong suốt quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, việc đặt và trả lời câu hỏi vẫn diễn ra thường xuyên, liên tục nhằm duy trì quan hệ tương tác sư phạm và tinh thần, ý thức học tập của HS, giúp HS có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào nội dung bài học.

Ví dụ 3: Bài 1. *Mái ấm gia đình*

3. Chia sẻ

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?



Sau khi quan sát hình, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1, 2, 4 và không đồng tình với việc làm ở hình 3. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện nhận thức cho HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận sâu hơn về tình huống ở hình 3 với những câu hỏi như:

- Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
- Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?, v.v.
- Em cảm thấy thế nào khi để em gái đứng một mình, không có gì chơi?
- Nếu sợ em gái làm hỏng đồ chơi của mình, em cần làm gì?
- Nếu em gái chưa biết chơi đồ chơi đó, em sẽ làm gì?, v.v.

Qua việc trả lời những câu hỏi gợi mở như vậy, từ một tình huống cụ thể, các em sẽ dần dần hướng đến yêu cầu cần đạt của bài học: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

Ở các lớp tiếp theo, hoạt động *Xem hình và trả lời câu hỏi* được phát triển và sử dụng xen kẽ với hoạt động *Kể chuyện theo hình và trả lời câu hỏi*.

3.2.2. Phương pháp thảo luận nhóm

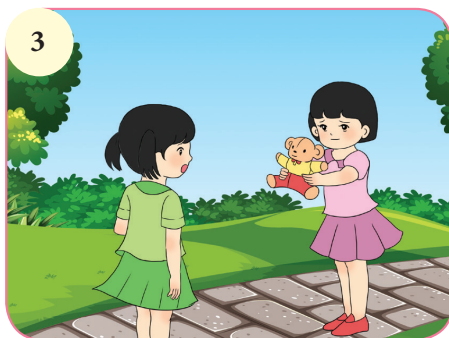
Thảo luận nhóm là PPDH, trong đó GV sắp xếp HS thành những nhóm khác nhau; các HS trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm có quy mô nhỏ (cặp 2, cặp 3) hay trung bình (4 đến 6 HS), được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau.

Trong thảo luận nhóm, sự tương tác trực tiếp giữa các HS được tăng cường; các cá nhân được tự do bày tỏ, chia sẻ ý kiến, hình thành nhận thức chung từ những quan điểm cá nhân, tạo thói quen sinh hoạt bình đẳng, biết tiếp thu những ý kiến tích cực, biết đón nhận những ý kiến bất đồng,... Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Để trình bày kết quả làm việc của nhóm trước toàn lớp, nhóm có thể cử ra một đại diện hoặc phân công mỗi thành viên trình bày một phần nếu nhiệm vụ giao cho nhóm là khá phức tạp.

Ví dụ 1: Bài 7. Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác

2. Thảo luận

a. Bạn Loan đã làm điều gì sai? Nhờ mẹ khuyên bảo, Loan đã sửa sai như thế nào?



Ví dụ 2: Bài 11. Tự chăm sóc bản thân

2. Thảo luận

a. Em có đồng tình với việc làm của các bạn không? Vì sao?



b. Việc làm của bạn Hùng có gì đúng, có gì sai? Lợi ích của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai là gì?



3.2.3. Phương pháp đóng vai xử lý tình huống

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một “vai giả định” nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách đứng từ chỗ đứng, góc nhìn của người trong cuộc, tập

trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình; qua đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS theo hướng tích cực.

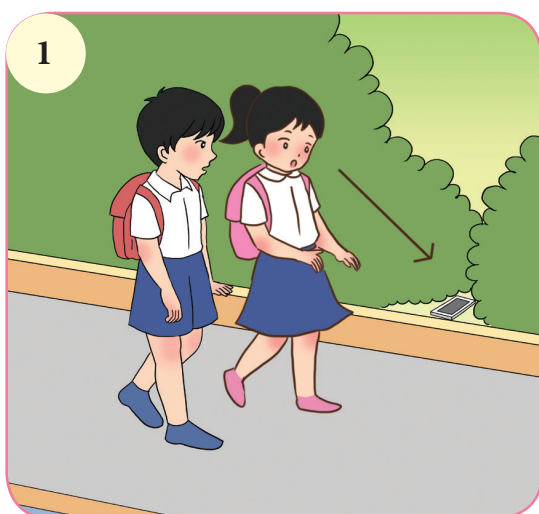
Trong SGK Đạo đức, phương pháp đóng vai được vận dụng linh hoạt và đa dạng để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ khác nhau. GV có thể yêu cầu HS đóng vai chỉ để thể hiện tình huống nhưng thông thường, phương pháp đóng vai sẽ được vận dụng kết hợp với phương pháp xử lý tình huống để tạo được hiệu quả cao hơn.

Ví dụ 1: Bài 8. *Trả lại của rơi*



Thực hành

1. Sắm vai để thể hiện tình huống sau:



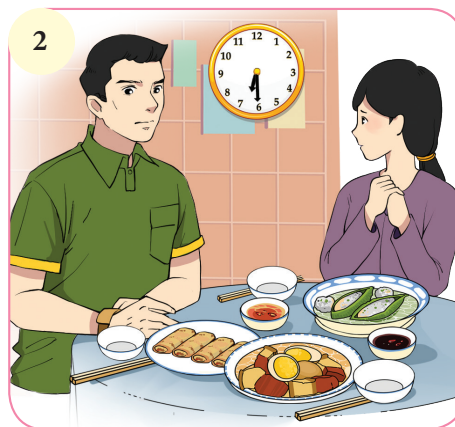
Ví dụ 2: Bài 9. *Sinh hoạt nền nếp*



Luyện tập

1. Xử lý tình huống

a. Em sẽ khuyên bạn Sơn thế nào trong tình huống sau?



Ở những lớp tiếp theo (đặc biệt là 2 lớp cuối cấp), để phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS, ngoài những PPDH cơ bản trên, SGK Đạo đức sẽ thiết kế thêm nhiều hoạt động mới, tạo điều kiện để GV vận dụng thêm các PPDH tích cực, mang tính đặc thù của môn học như: *phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, phương pháp dạy học theo dự án, v.v.*

4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Theo Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội: một trong những yêu cầu đổi mới căn bản, triệt để giáo dục trong giai đoạn hiện nay là “Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực HS; phản ánh mức độ đạt chuẩn quy định trong chương trình; cung cấp thông tin chính xác, khách quan, kịp thời cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hướng dẫn hoạt động học nhằm nâng cao dần năng lực HS”.

Đánh giá theo phát triển phẩm chất, năng lực là căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình môn học đối với mỗi cấp học, lớp học để đánh giá sản phẩm đầu ra. Vì vậy, trong CTGD 2018, đánh giá kết quả giáo dục có những điểm mới sau đây:

a. Về hình thức đánh giá

Đối với CTGD 2006, HS được đánh giá chủ yếu bằng hình thức đánh giá định kì (kiểm tra miệng, bài kiểm tra viết 15 phút, 45 phút) và đánh giá tổng kết (bài kiểm tra học kì, bài thi cuối cấp), còn đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) chưa được chú ý đúng mức. Đối với CTGD 2018, đánh giá thường xuyên được chú trọng hơn, trở thành một yếu tố cấu thành kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học (cùng với đánh giá tổng kết).

b. Về nội dung đánh giá

Đối với CTGD 2006, các đề thi, kiểm tra (cuối kì, cuối cấp) chủ yếu nhằm đánh giá kiến thức mà HS đã được học dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng. Đối với CTGD 2018, việc đánh giá chú trọng sử dụng các bài tập xử lí tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống.

c. Về đối tượng đánh giá

Đối với CTGD 2006, HS chủ yếu được đánh giá qua một sản phẩm là bài kiểm tra viết. Đối với CTGD 2018, HS được đánh giá qua các sản phẩm phong phú: vừa đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp; bài tập thực hành; bài thuyết trình, bài nghiên cứu,...), vừa đánh giá thông qua nhận xét thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt hằng ngày.

d. Về cách đánh giá

CTGD 2006 chủ yếu là GV đánh giá HS bằng định lượng (điểm số). CTGD 2018 chú trọng đánh giá bằng cả định tính và định lượng; ngoài việc GV đánh giá HS còn có HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, kết hợp với đánh giá của phụ huynh và các tổ chức xã hội.

4.2. Một số gợi ý

Đánh giá các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của HS chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi đọc, viết, nói và nghe văn bản.

Đánh giá các *năng lực chung* và *năng lực đặc thù* là đánh giá sự kết hợp cả ba yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ trong thực hiện hành vi ứng xử về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật theo yêu cầu cần đạt về năng lực thông qua sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS, gọi chung là sản phẩm

đầu ra. Sản phẩm đầu ra này là các câu trả lời, các bài tập, bài nghiên cứu, bài viết, các tư liệu HS thu thập được, các tranh vẽ, kịch bản, clip... mà HS thực hiện được và thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập trên lớp, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng cũng như trong sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn Đạo đức của HS lớp 1, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình, có lợi/có hại, v.v.

Ví dụ: Đánh dấu ✓ vào ý đúng.

Mẹ vừa dừng xe máy ngoài sân, Thuỷ chạy ào đến ôm mẹ. Việc làm của Thuỷ có thể dẫn đến những tai nạn, thương tích nào?

- a. Mẹ bị ngã ☐
- b. Thuỷ bị bỏng ống xả xe máy ☐
- c. Không dẫn đến tai nạn, thương tích ☐
- d. Hai mẹ con cùng bị ngã ☐

– Hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực HS, bài kiểm tra đánh giá cần dựa vào việc xây dựng những tình huống phức hợp và đặt những câu hỏi mở của SGK Đạo đức 1 để thiết kế những tình huống mới, chủ yếu tạo điều kiện giúp HS nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, sâu sắc và sáng tạo hơn.

Ví dụ: *Em đồng tình và không đồng tình với bạn Nga điều gì? Vì sao?*

3. Chia sẻ

a. Em đồng tình và không đồng tình với bạn Nga điều gì? Vì sao?



– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi CTGD 2018 chính thức thực hiện, Bộ GD-ĐT sẽ ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS.

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

SGK Đạo đức CTST là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN. Vì

vậy, khi sử dụng SGK Đạo đức 1, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lý sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lý ở tất cả các trường tiểu học trong cả nước tham khảo, từ đó chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Đạo đức 1.

Về nguyên tắc, khi sử dụng SGK Đạo đức 1 làm tài liệu dạy học chính thức, quyển sách này sẽ trở thành khung chủ yếu để tổ chức các hoạt động học tập cho HS theo phân phối của chương trình. Tuy nhiên, như đã nói ở mục 1.2.a, vì tính “mở” của SGK Đạo đức 1 cho nên việc sử dụng SGK Đạo đức 1 không cản trở việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên khác. Căn cứ vào điều kiện dạy học và đối tượng HS cụ thể ở địa phương, GV có thể chủ động, linh hoạt lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động dạy học và tham khảo các tài liệu khác, cũng như sử dụng nhiều học liệu khác để thiết kế giáo án, miễn sao đáp ứng được yêu cầu cần đạt của mỗi bài học.

Vì thế, trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở định hướng của SGK Đạo đức 1, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những mẫu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm, v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

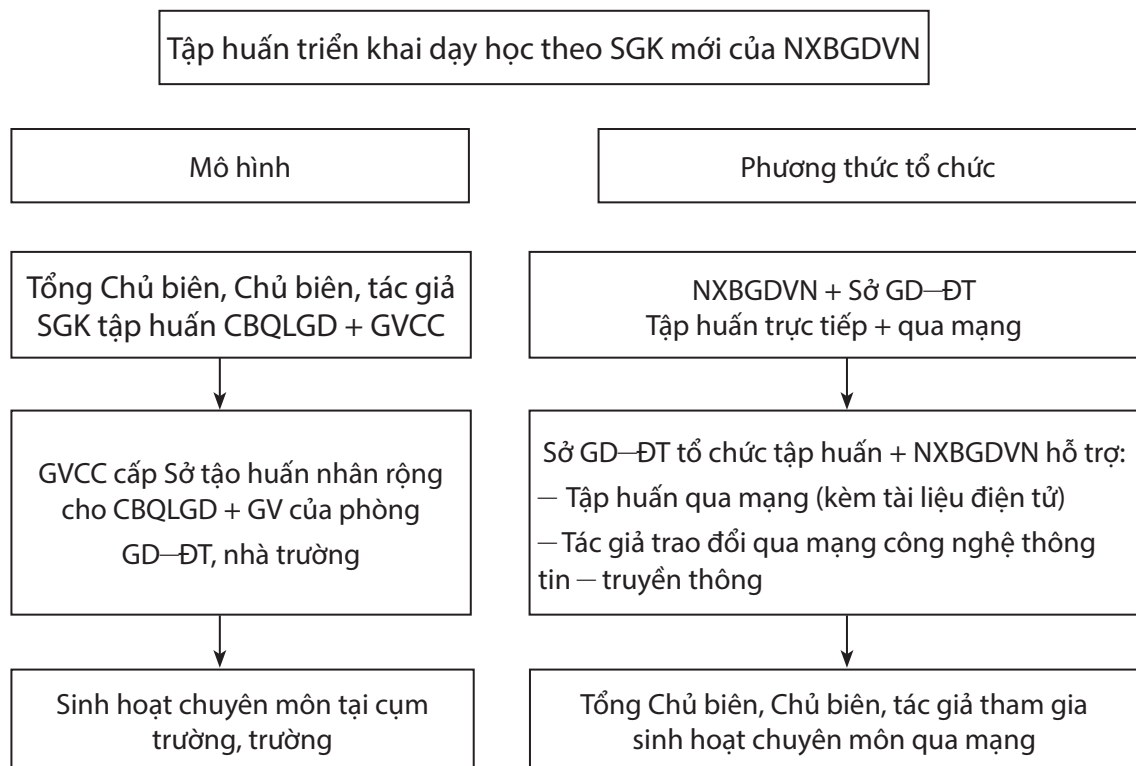
Ví dụ: Khi khởi động để dạy bài *Phòng, tránh tai nạn giao thông*, SGK Đạo đức 1 gợi ý giới thiệu trò chơi Đền giao thông và bài thơ ngắn của Thanh Minh. Tuy nhiên, để lớp học sinh động hơn, GV cũng có thể cho HS xem một số video clip ngắn về an toàn giao thông, hát một trong số các bài hát về chủ đề giao thông như: *Em đi qua ngã*



tư đường phố, Đi đường em nhớ (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến); *Đèn đỏ đèn xanh* (Nhạc: Lương Vĩnh; thơ: Thế Hội)... Ngoài ra, trong quá trình dạy học, GV có thể sử dụng kết hợp hoặc thay thế một số hình ảnh, tình huống trong SGK Đạo đức 1 bằng những hình ảnh, tình huống khác trong tài liệu *Văn hoá giao thông dành cho học sinh lớp 1* của tác giả Lê Phương Trí (NXBGDVN, 2018), v.v.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 1 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

a) Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b) Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video giới thiệu tổng quan bộ sách; minh hoạ tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.

– Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới lớp 1 của bộ sách CTST thuộc NXBGDVN.

– Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.

– Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.

– Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD-ĐT, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

c) Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, GV

– SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.

– Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.

– Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

5.2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

a) Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 1 là phiên bản điện tử của SGK lớp 1 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

– Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...;

– Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;

– Sách bổ trợ, sách GV;

– Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, đề kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;

- Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng.
- SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan.
- SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

b) Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống.
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

c) Công nghệ

- Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là PC (máy tính cá nhân), máy tính bảng và điện thoại thông minh.
- Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.
- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

d) Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A).
- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.
- Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Chương trình môn Giáo dục công dân mới định hướng: “Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; tivi;...”. Như vậy, thiết bị và học liệu trong dạy học Đạo đức 1 rất đa dạng và phong phú. Để khai thác thiết bị và học liệu một cách hiệu quả, GV và cán bộ quản lý cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Trước hết, cơ sở giáo dục tiểu học phải có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT ngày 5/4/2019 về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1.

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. Trong quá trình khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu, GV cần cân nhắc, tính toán cụ thể liều lượng, mức độ sao cho các thiết bị và học liệu góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn chứ không sử dụng tràn lan, quá mức khiến giờ học bị nhiều, không đảm bảo thực hiện được mục tiêu bài học.

- Tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển “năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển) để giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

– Động viên, khuyến khích HS phát triển hoạt động tự làm các thiết bị dạy học phù hợp để một mặt bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân; mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– Trong dạy học cần kết hợp, phối hợp sử dụng các dạng, loại thiết bị dạy học (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp và tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lý, khoa học, sinh động.

– Tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Ngay từ năm học 2019 – 2020, Bộ GD–ĐT đã khẳng định đây là năm học “bản lề” để các sở GD–ĐT, phòng GD–ĐT cùng các trường tiểu học, trường liên cấp tiểu học và THCS chuẩn bị sẵn sàng cho triển khai chương trình lớp 1 mới vào năm học 2020 – 2021. Tiếp theo đó, Bộ GD–ĐT đã có Thông tư số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 *Hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 – 2021* theo tinh thần chính thức thực hiện mục tiêu, yêu cầu của CTGD 2018.

Do các bài học trong SGK Đạo đức 1 được thiết kế thành 2 dạng cơ bản: 1) bài học giáo dục đạo đức: 2 tiết/bài; 2) bài học giáo dục kỹ năng sống: 3 tiết/bài, cho nên để bám sát Thông tư 3866, khi lập kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1, GV và cán bộ quản lý cần lưu ý một số vấn đề sau:

7.1. Đối với cơ sở giáo dục tiểu học đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

a. Buổi 1

– Bài học giáo dục đạo đức:

+ Phân phối kế hoạch dạy học 1 tiết/tuần; đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng theo quy định của chương trình.

+ Tiết 1: Hình thành tri thức về chuẩn mực hành vi đạo đức, bước đầu rèn kỹ năng, hành vi tương ứng.

+ Tiết 2: Luyện tập, thực hành kỹ năng; củng cố kiến thức; bày tỏ thái độ; vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

– Bài học giáo dục kỹ năng sống:

+ Phân phối kế hoạch dạy học 1 tiết/tuần; đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng theo quy định của chương trình.

+ Tiết 1: Hình thành tri thức về chuẩn mực hành vi đạo đức, bước đầu rèn kỹ năng, hành vi tương ứng.

+ Tiết 2, 3: Luyện tập, thực hành kỹ năng; củng cố kiến thức; bày tỏ thái độ; vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b. Buổi 2

Lồng ghép các hoạt động giáo dục, luyện tập, thực hành chuẩn mực hành vi đạo đức, kỹ năng sống, tính kỉ luật, trách nhiệm... vào quá trình học tập các môn tự chọn hoặc quá trình tham gia các hoạt động giáo dục khác; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

7.2. Đối với cơ sở giáo dục tiểu học chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

– Phân phối kế hoạch dạy học 1 tiết/tuần; đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng theo quy định của chương trình.

– Chủ động xác định nội dung, lựa chọn hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng và lồng ghép hợp lý các hoạt động giáo dục, luyện tập, thực hành chuẩn mực hành vi đạo đức, kỹ năng sống, tính kỉ luật, trách nhiệm... vào quá trình học tập các môn tự chọn hoặc quá trình tham gia các hoạt động giáo dục khác.

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC

Bài 1: MÁI ẤM GIA ĐÌNH

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nêu được một số biểu hiện của tình yêu thương gia đình;
- Nhận biết được sự cần thiết của tình yêu thương gia đình;
- Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương gia đình;
- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với người thân trong gia đình.

KHOẢNG ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết khá nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về gia đình. Bài hát *Ba ngọn nến lung linh* (sáng tác: Ngọc Lễ) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác có cùng chủ đề (ví dụ: *Niềm vui gia đình* của Hoàng Vân, *Cả nhà thương nhau* của Phạm Văn Minh, *Gia đình nhỏ, hạnh phúc to* của Nguyễn Văn Chung, v.v.) và cho cả lớp hát để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi



Khi xem hình, HS có thể trả lời câu hỏi theo nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ, hình 1: thể hiện tình cảm yêu thương; bố mới lĩnh lương; bố thưởng cho hai chị em... Hình 2: con chưa biết chải tóc; mẹ chăm sóc con; con làm nũng mẹ...

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: tình yêu thương gia đình.

Hoạt động 2: Thảo luận

Tùy theo hoàn cảnh, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình trong một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình.



– Hình 1: Đại gia đình gồm ông, bà, cha, mẹ, các con quây quần bên nhau trong ngày Tết.

– Hình 2: Mẹ quấn khăn ấm cho con trước khi con đến trường.

– Hình 3: Bố làm việc miệt mài trên máy tính; con trai rót nước mang đến mời bố uống.

– Hình 4: Con trai vẽ chân dung tặng mẹ; mặc dù nét vẽ còn chưa đẹp nhưng người mẹ vẫn xúc động đón nhận món quà của con.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV bước đầu có thể đưa ra ý khái quát: Tình yêu thương gia đình luôn được mọi người thể hiện mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt vùng miền, dân tộc; không chỉ là ông bà, cha mẹ yêu thương con cháu mà con cháu cũng phải biết yêu thương ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

Gợi ý: Tình yêu thương đem lại niềm vui, hạnh phúc cho gia đình. Tuy nhiên, do tuổi còn nhỏ, cũng có những khi các em quên hoặc chưa ý thức được điều này. Hãy xem các hình ở mục Chia sẻ và cho biết ý kiến của mình nhé.



a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

– Hình 1: Cả nhà quây quần quanh mâm cơm; bố mẹ gấp thức ăn cho con.

– Hình 2: Bố cẩn thận cài quai mũ bảo hiểm cho con trước khi chở con đi học.

– Hình 3: Anh mãi mê chơi đồ chơi một mình, để mặc em đứng phụng phịu, buồn bã.

– Hình 4: Mẹ giúp con chuẩn bị bài cho ngày mai đi học.

Sau khi quan sát các hình, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1, 2, 4 và không đồng tình với việc làm ở hình 3. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện nhận thức cho HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận sâu hơn về tình huống ở hình 3.

Gợi ý:

– Nêu các câu hỏi như:

+ Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?

+ Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?, v.v.

– Có thể khi thảo luận về cách xử lý tình huống này, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau (phải nhường nhịn em; cho em chơi cùng; không cho em chơi cùng vì sợ em làm hỏng đồ chơi; không cho em chơi cùng vì em không biết chơi đồ chơi đó...); vì vậy, GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Ví dụ: GV có thể hướng dẫn HS trả lời tiếp những câu hỏi như:

+ Em cảm thấy thế nào khi để em gái đứng một mình, không có gì chơi?

+ Nếu sợ em gái làm hỏng đồ chơi của mình, em cần làm gì?

+ Nếu em gái chưa biết chơi đồ chơi đó, em sẽ làm gì?, v.v.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

b. Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình.

SGK chỉ nêu một số biểu hiện về tình yêu thương gia đình. Vì thế, trong hoạt động này, GV cần gợi ý, động viên, khuyến khích để HS, xuất phát từ thực tế của gia đình mình, nêu lên những biểu hiện phong phú, đa dạng khác về tình yêu thương.

Ví dụ: bố mẹ mua quần áo, sách vở, bánh kẹo... cho con; bố, mẹ đưa đón con đi học; ông bà kể chuyện cho cháu nghe; con cái ngoan ngoãn, vâng lời ông bà, cha mẹ, giúp bố mẹ những việc nhỏ trong nhà, v.v.

c. Với HS lớp 1, những câu hỏi dạng “vì sao...” thường là những câu hỏi khó. Để giúp HS trả lời câu hỏi Vì sao trong gia đình, mọi người phải yêu

thương nhau? được dễ dàng hơn, GV cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi ý, giúp HS có thể nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh cụ thể. Ví dụ:

- Khi mọi người yêu thương nhau, không khí gia đình sẽ như thế nào?
- Nếu bố mẹ không yêu thương em mà chỉ đánh đòn, la mắng, trách phạt..., em sẽ cảm thấy thế nào?
- Khi em biết yêu thương ông bà, cha mẹ, ông bà, cha mẹ sẽ đón nhận tình cảm của em ra sao?, v.v.

Trên cơ sở những câu trả lời của HS, GV có thể kết luận để HS nhận biết được: Trong gia đình, mọi người đều là ruột thịt, cùng sống chung dưới một mái nhà, vì thế mọi người phải yêu thương nhau để gia đình được yên ấm, hạnh phúc, vui vẻ.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1

Về thực chất, đây cũng là hoạt động *Xem hình và trả lời câu hỏi* như hoạt động 1 ở phần *Khám phá* nhưng có yêu cầu cao hơn.



GV phải hướng dẫn HS liên kết 4 hình để hình dung được câu chuyện: Gia đình bạn Quân gồm bố, mẹ và Quân. Một buổi chiều, trời mưa to khiến bố chưa về nhà được. Mẹ Quân đứng trước cửa nhà, nhìn ra trời mưa, lo lắng cho bố. Tuy còn nhỏ nhưng Quân cũng biết chia sẻ nỗi lo với mẹ và quyết định đợi bố về để cả nhà cùng ăn cơm tối cho đông vui.

Sau khi HS hình dung được câu chuyện, GV hướng dẫn để HS phát hiện và xác định ý nghĩa của những cử chỉ, lời nói thể hiện tình yêu thương của những người trong gia đình Quân. Ví dụ:

– Cử chỉ của mẹ: đứng đợi bố về (yêu thương bố); xoa đầu con (yêu thương con).

– Cử chỉ của Quân: đến bên mẹ (chia sẻ nỗi lo lắng với mẹ).

– Lời nói của mẹ: *Chưa thấy bố về, con ạ.* (yêu thương bố); *Con có đói không?* (quan tâm đến con).

– Lời nói của Quân: *Sao mẹ lo lắng thế ạ?* (quan tâm đến mẹ); *Mình đợi bố về cùng ăn, mẹ nhé!* (quan tâm đến bố).

Hoạt động 2

Về thực chất, đây là hoạt động củng cố cho hoạt động lựa chọn đồng tình/không đồng tình ở mục Chia sẻ nhưng có yêu cầu cao hơn.

Tình huống mà SGK giới thiệu khá đơn giản. HS dễ dàng không đồng tình với việc trêu chọc em của bạn Hải; nhưng ở ý thứ hai: *Nếu là bạn Hải, em sẽ làm gì?*, câu trả lời của HS có thể rất khác nhau (không trêu chọc em; nhường đồ chơi cho em; cùng chơi với em, v.v.). GV nên động viên, khuyến khích HS tự đặt mình vào vị trí của nhân vật Hải trong tình huống để đưa ra cách xử lý của riêng mình, không rập khuôn, máy móc.

Để làm được điều này, GV cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi ý để HS có thể tiếp tục đưa ra cách xử lý của mình sau khi bạn đã đưa ra cách xử lý của bạn.



Ví dụ:

- Ngoài ý kiến của bạn..., em nào có ý kiến khác?
- Các em thích ý kiến của bạn... hay ý kiến của bạn...?
- Các em thấy có thể làm thế này được không?, v.v.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em củng cố được yêu cầu cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

Hoạt động 3

Để HS có thể kể lại một việc đã làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ của mình, GV có thể: a) Cho HS chuẩn bị trước ở nhà để phát biểu trong giờ học; hoặc b) Xem đây như một bài tập, HS về nhà chuẩn bị và vào buổi học sau, GV cho một vài HS phát biểu trước lớp.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Sắm vai

SGK chỉ giới thiệu 2 tình huống: 1) *Khi bố, mẹ đi làm về*; 2) *Khi ông, bà ở quê lên thăm*. Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh, GV có thể lựa chọn, xây dựng các tình huống tương tự khác như: khi em đi học về; khi bố, mẹ đi làm về muộn; khi em về quê thăm ông bà, v.v.

Để đảm bảo thời lượng, GV chỉ nên đặt ra những yêu cầu đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi tình huống; mỗi tình huống chỉ nên yêu cầu 2, 3 HS tham gia.

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2

SGK chỉ giới thiệu 3 tình huống. Để mở rộng phạm vi thực hành, GV cần nhắc lại những kiến thức đã học trong bài (ví dụ: câu b của mục *Chia sẻ: Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình*), giúp HS có thêm cơ sở vận dụng hiệu quả bài học vào thực tế cuộc sống.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu: *Gia đình là nơi bắt đầu của mọi yêu thương*.

Bài 2: QUAN TÂM, CHĂM SÓC ÔNG BÀ, CHA MẸ

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được một số biểu hiện của quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ (lễ phép, vâng lời, hiếu thảo);*
- *Nhận biết được sự cần thiết của quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ;*
- *Đồng tình với thái độ, hành vi quan tâm, chăm sóc; không đồng tình với thái độ, hành vi chưa quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ;*
- *Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ trong gia đình em.*

KHỞ ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết khá nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. Bài hát *Cháu yêu bà* (sáng tác: Xuân Giao) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác có cùng chủ đề (ví dụ: *Múa cho mẹ xem* của Xuân Giao, *Cả nhà thương nhau* của Phạm Văn Minh, *Gia đình nhỏ, hạnh phúc to* của Nguyễn Văn Chung, v.v.) hoặc đọc cho cả lớp nghe một bài thơ ngắn (ví dụ: *Lấy tấm cho bà* của Định Hải, *Thương ông* của Tú Mỡ, *Yêu mẹ* của Nguyễn Bao, *Về quê* của Nguyễn Lâm Thắng, v.v.) để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi





Khi xem hình, HS có thể dễ dàng trả lời các câu hỏi:

- Hình 1: Minh lễ phép, khoanh tay chào mẹ.
- Hình 2: Mai lễ phép vâng lời ông.
- Hình 3: Lan đỡ tay giúp ông đi đứng.
- Hình 4: Hai bạn tặng hoa và quà cho mẹ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3.

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: Trong gia đình, các em phải biết quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Bạn Thảo có vâng lời bố và lễ phép với bà không?



Hoạt động này có yêu cầu cao hơn hoạt động 1 ở chỗ: HS phải biết liên kết 2 hình và chú ý đến bóng nói ở từng hình để xác định câu trả lời:

- Hình 1: Bố đưa điện thoại cho Thảo và nói Thảo hỏi thăm bà ngoại.

– Hình 2: Thảo nói chuyện với bà ngoại nhưng bóng nói cho thấy lời nói của Thảo chưa lễ phép.

Để khai thác tình huống trên, GV không nên dừng lại ở việc chỉ yêu cầu HS lựa chọn câu trả lời *có/không* mà nên gợi ý để HS trả lời thêm các câu hỏi như:

– Khi bố đưa điện thoại và nói Thảo hỏi thăm bà, Thảo có vâng lời bố không?

– Nhưng khi nói chuyện với bà, lời nói của Thảo có lễ phép không? Vì sao?

– Nếu em là Thảo, trong tình huống này, em sẽ nói với bà như thế nào?, v.v.

b. Các bạn đã thể hiện sự hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ qua những lời nói, việc làm nào?

Tuỳ theo hoàn cảnh, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về việc làm của các bạn thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ trong một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình:



– Hình 1: Nhớ và muốn về quê thăm ông bà.

– Hình 2: Nhớ và đang vẽ tranh tặng bố.

– Hình 3: Địu ngô giúp mẹ.

– Hình 4: Gắp thức ăn cho bà.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV bước đầu có thể đưa ra ý khái quát: Trong gia đình, các em có thể làm được nhiều việc phù hợp, vừa sức để quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

Gợi ý: Trong gia đình, các em có thể làm được nhiều việc phù hợp, vừa sức để quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên, cũng có những khi các em quên hoặc chưa ý thức được điều này. Hãy xem các hình ở mục *Chia sẻ* và cho biết ý kiến của mình nhé.

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?



– Hình 1: Lễ phép khi nhận quà của bà.

– Hình 2: Thái độ, lời nói chưa lễ phép khi đi cùng ông bà.

– Hình 3: Thái độ, cử chỉ không lễ phép khi bố phê bình, nhắc nhở.

– Hình 4: Thái độ, lời nói lễ phép trước khi ăn cơm.

Sau khi quan sát hình, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1 và 4, không đồng tình với việc làm ở các hình 2 và 3. Tuy nhiên, để phát

triển toàn diện nhận thức của HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận thêm về tình huống ở hình 2 và 3 bằng cách nêu các câu hỏi như:

- Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
- Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?
- Em sẽ làm gì trong các tình huống đó?, v.v.

Có thể khi trả lời, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau (Hình 1: phải đi bên cạnh ông bà; phải biết ông bà đã lớn tuổi nên đi chậm...; Hình 2: phải có thái độ lễ phép với bố; không được nhìn bố với vẻ thách thức, bực tức...); vì vậy, GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện hiếu thảo, lễ phép, vâng lời; không đồng tình với thái độ, hành vi không hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

b. Kể thêm một số việc làm thể hiện sự hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

SGK chỉ nêu một số biểu hiện về hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ. Vì thế, trong hoạt động này, GV cần gợi ý, động viên, khuyến khích để HS, chủ yếu xuất phát từ thực tế của gia đình mình, nêu thêm những biểu hiện phong phú, đa dạng, gần gũi khác.

Ví dụ: đưa kính cho ông đọc báo; đỡ bà lên, xuống cầu thang; hỏi thăm khi bố, mẹ đi làm về, v.v.

c. Vì sao phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ?

Để giúp HS trả lời câu hỏi được dễ dàng hơn, GV cần chuẩn bị một số gợi ý, tạo điều kiện cho HS có thể nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh cụ thể. Ví dụ: vì ông bà đã già; vì bố mẹ đi làm nuôi gia đình; vì ông bà, cha mẹ dạy bảo em nên người, v.v.

Trên cơ sở những câu trả lời của HS, GV có thể đúc kết để HS bước đầu nhận biết được vấn đề lớn hơn: Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ chính là biểu hiện cơ bản của truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc Việt Nam.

LUYỆN TẬP

Hoạt động: Xử lý tình huống



SGK đưa ra 4 tình huống:

- Hình 1: Bà rửa chén bát một mình.
- Hình 2: Ông ốm nằm trên giường.
- Hình 3: Mẹ đang tập trung suy nghĩ.
- Hình 4: Bố không đội mũ, nón, đang tưới rau dưới trời nắng gắt.

Sau khi HS hình dung được các tình huống, GV hướng dẫn để HS suy nghĩ và đề xuất những cách xử lý mang tính tích cực, thích hợp. Ví dụ:

- Hình 1: Giúp bà sắp xếp chén bát đã rửa; cùng bà rửa chén bát; lấy khăn cho bà lau tay sau khi rửa chén bát, v.v.
- Hình 2: Lấy nước cho ông uống thuốc; đắp khăn ướt lên trán cho ông; hỏi thăm sức khỏe của ông, v.v.
- Hình 3: Trật tự cho mẹ làm việc; lấy nước cho mẹ uống; không quấy rầy mẹ, v.v.
- Hình 4: Nhắc bố đội mũ, nón; lấy mũ, nón cho bố; yêu thương, kính trọng bố hơn...

Khi HS đưa ra những cách xử lý tình huống, GV nên rèn luyện thêm kỹ năng cho các em bằng những câu hỏi gợi mở như:

- Ngoài ý kiến của bạn..., em nào có ý kiến khác?
- Các em thích ý kiến của bạn... hay ý kiến của bạn...?
- Các em thấy có thể làm thế này được không?, v.v.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Sắm vai



SGK chỉ giới thiệu 2 tình huống: a) *Lấy nước cho bà uống thuốc*; b) *Xách đồ giúp mẹ*. Tùy theo hoàn cảnh, GV có thể lựa chọn, xây dựng các tình huống tương tự khác lấy từ các hoạt động dạy học ở trên.

Để đảm bảo thời lượng, GV chỉ nên đặt ra những yêu cầu đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi tình huống; mỗi tình huống chỉ nên yêu cầu 2, 3 HS tham gia.

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2

SGK chỉ đưa ra yêu cầu về sử dụng một số từ ngữ kết hợp với một số động tác thể hiện sự lễ phép, vâng lời. Để việc thực hành thiết thực, sát đúng với thực tế, GV cần hướng dẫn thêm cho HS về những thái độ, cử chỉ cần thiết khác như: ánh mắt, giọng nói, tư thế cúi đầu, v.v. giúp HS vận dụng hiệu quả bài học vào thực tế cuộc sống.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn*.

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. SÁCH GIÁO VIÊN MÔN ĐẠO ĐỨC

Sách giáo viên (SGV) môn Đạo đức là tài liệu trực tiếp chia sẻ, gợi ý, hướng dẫn GV cách thức tổ chức quá trình dạy học khi sử dụng SGK Đạo đức thuộc bộ sách **Chân trời sáng tạo** của NXBGDVN; đồng thời cũng là tài liệu tham khảo hữu ích giúp GV có thêm những phương án dạy học khi sử dụng các quyển SGK Đạo đức khác theo CTGD 2018.

Do phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học của CTGD 2018 đối với GV hiện nay còn nhiều mới mẻ nên khi biên soạn tài liệu này, nhóm tác giả chủ trương: cố gắng kết hợp một cách hài hoà những hướng dẫn thuộc yêu cầu dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học và quy định của chương trình môn học với những chia sẻ, đề xuất mang tính gợi ý để vừa đảm bảo yêu cầu dạy học chung, vừa tạo điều kiện cho GV phát huy tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng các biện pháp, thao tác dạy học phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục và của bản thân.

SGV môn Đạo đức gồm hai phần:

Phần một – **Những vấn đề chung** giới thiệu khái quát một số nội dung thiết yếu của chương trình môn Đạo đức, đặc điểm cấu trúc và nội dung của SGK Đạo đức, phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, hướng dẫn đánh giá phẩm chất, năng lực HS qua môn Đạo đức, v.v.

Phần hai – **Tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức lớp 1** trình bày những gợi ý, chia sẻ, đề xuất về quá trình tổ chức hoạt động dạy học liên quan trực tiếp đến các bài học trong SGK Đạo đức thuộc bộ sách **Chân trời sáng tạo** của NXBGDVN.

Một số nội dung cụ thể của SGV đã được thể hiện ở Phần hai của tài liệu tập huấn này.

SGV Đạo đức là một trong những cơ sở cần thiết giúp GV hiểu rõ, nắm vững nội dung, đặc điểm cấu trúc SGK Đạo đức và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học đặc thù vào thực tiễn dạy học của bản thân.

2. VỞ BÀI TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC

Vở bài tập (VBT) Đạo đức là tài liệu bổ trợ cho SGK Đạo đức nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học.

Để hình thành và phát triển những trải nghiệm cá nhân một cách nhẹ nhàng, gần gũi, sinh động, không nặng nề về kiến thức, VBT Đạo đức chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình; giải các bài tập nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm; xử lý tình huống, đọc hiểu văn bản...

Nội dung các bài tập trong VBT Đạo đức được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của chương trình dạy học Đạo đức các lớp; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành qua những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lý, thể chất HS.

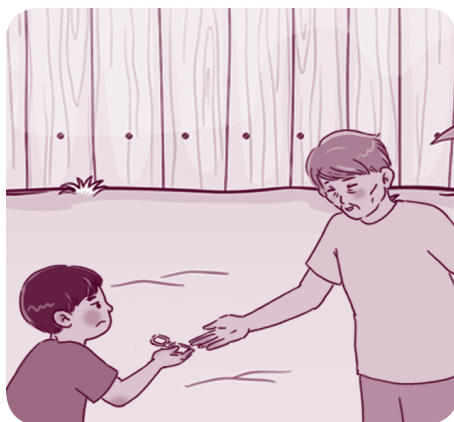
VBT Đạo đức sẽ giúp việc dạy học môn Đạo đức đảm bảo được sự kết nối giữa GV với phụ huynh, giữa kiến thức với quá trình hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Một số minh họa:

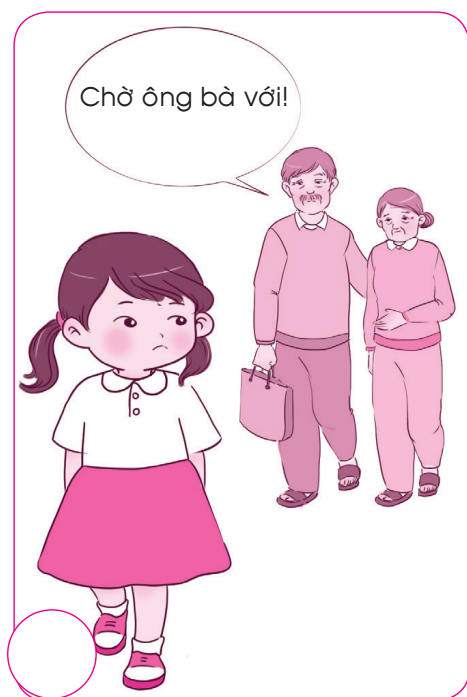
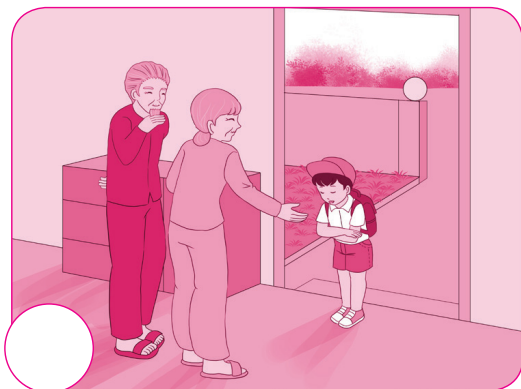
Bài 2

Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ

1. Nối việc em đồng tình với 😊, không đồng tình với ☹️.



2. Vẽ 😊 vào ô ☐ chỉ việc làm đúng; vẽ ☹️ vào ô ☐ chỉ việc làm sai.



3. Kể chuyện theo tranh



4. Tô màu



3. SÁCH KỂ CHUYỆN ĐẠO ĐỨC

Kể chuyện đạo đức là tài liệu tham khảo phục vụ trực tiếp cho việc dạy học môn Đạo đức. Vì vậy, những câu chuyện đạo đức trong sách trước hết xoay quanh các chủ đề được quy định trong chương trình dạy học Đạo đức để một mặt giúp GV có thêm tài liệu mở rộng bài học trên lớp và hướng dẫn HS tự học ngoài giờ lên lớp; mặt khác giúp phụ huynh hiểu thêm nội dung giáo dục cho con em ở trường, từ đó kết nối hiệu quả với việc giáo dục con em trong sinh hoạt ở nhà.

Thông qua những câu chuyện ngắn gọn, sinh động, tự nhiên, gần gũi, phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, sách *Kể chuyện đạo đức* hướng HS đến với những vấn đề đạo đức một cách tinh tế, nhẹ nhàng, thiết thực, làm cho mỗi bạn đọc nhỏ tuổi đều nhìn thấy một phần ngây thơ, trong sáng, ngộ nghĩnh của mình trong đó; đồng thời thông qua những câu hỏi cuối mỗi truyện, các em có thể bước đầu tự rút ra cho mình những bài học cần thiết trong cuộc sống cũng như trong học tập.

Kể chuyện đạo đức không chỉ là người bạn thân thiết đồng hành với các em HS trong quá trình học tập môn Đạo đức mà còn là cơ sở ban đầu, góp phần hình thành ở các em niềm say mê đọc sách, khát khao tìm kiếm, học hỏi những giá trị đạo đức, nhân văn qua những trang sách tuổi thơ.

Một số minh họa:

Ong mật và hoa bưởi

Trần Thanh Bình

Mùa xuân, ong mật bay vào vườn bưởi tìm hoa hút mật. Những bông hoa bưởi trắng muốt rung rinh mời gọi:

– Ong mật ơi, lại đây với bọn mình nào.

Ong mật cất tiếng:

– Chào các bạn hoa, các bạn cho mình hút mật nhé.

– Ủ, bạn cứ thong thả mà hút, bọn mình còn nở cả tuần cơ mà.

Thế là suốt tuần, ong mật cần mẫn bay hết bông hoa này sang bông hoa khác để hút mật hoa đem về tổ cho các chú ong thợ chế biến thành mật ong.

Một hôm, khi các ngăn tổ đã đầy ắp mật ong, ong mật bay trở lại vườn bưởi để cảm ơn những bông hoa đã cung cấp mật hoa cho mình. Thế nhưng kì lạ quá, cả khu vườn đã không còn một bông hoa nào, thay vào đó là những trái

bưởi tí xíu, thấp thoáng ẩn hiện sau vòm lá tươi xanh. Thấy vẻ ngỡ ngàng của ong mật, những trái bưởi mỉm cười:

– Chào bạn ong mật, bạn định tìm ai thế?

– Chào các bạn, mình muốn tìm những bông hoa bưởi đã cho mình mật hoa để nói lời cảm ơn.

– À ra thế, nhưng bạn có biết không, khi hút mật, bạn đã truyền phấn từ hoa này sang hoa khác làm hoa được thụ phấn, và nhờ thế mà bọn mình mới được ra đời. Hôm nay, bọn mình cũng muốn nói lời cảm ơn bạn. Mùa hoa mới, bạn lại đến với khu vườn thân thương này nhé.

CÂU HỎI

1. Trước khi hút mật, ong mật đã nói gì với hoa bưởi?
2. Ong mật quay lại vườn bưởi để làm gì? Việc đó cho thấy ong mật có đức tính đáng yêu nào?
3. Vì sao những trái bưởi lại cảm ơn ong mật?

Chuồn chuồn cần rốn

Trần Thanh Bình

Năm nay, vừa mới chớm hè mà trời đã nắng như đổ lửa. Không khí oi bức, ngột ngạt, khó chịu vô cùng.

Thế nhưng với bọn trẻ xóm Chùa, những ngày nóng bức này lại là những ngày vui chơi hết sức thoải mái. Chúng rủ nhau đá bóng, chơi đánh trận giả, kéo co... Đến khi mệt lử, những đứa lớn hò nhau nhảy tùm tùm xuống hồ bơi lội. Còn những đứa nhỏ như Hải và Toàn chưa biết bơi thì chỉ đứng trên bờ, tròn mắt nhìn các anh với vẻ thèm muốn.

Một buổi trưa, Hải chạy qua nhà Toàn, vẻ mặt hí hửng:

– Chiều nay bọn mình ra hồ bơi đi.

– Nhưng bọn mình đã biết bơi đâu.

– Hi hi, cậu nhìn này.

Hải vừa cười vừa đưa tay ra. Trên tay Hải là một con chuồn chuồn ngô thân vàng sọc đen, có đôi mắt to tướng và hai cặp cánh mỏng trong veo, nhìn rất ngộ nghĩnh.

Thấy Toàn vẫn ngo ngác không hiểu, Hải cao giọng giải thích:

– Chỉ cần cho con chuồn chuồn này cắn vào rốn một cái là chúng mình tự khắc biết bơi, không cần học hành gì hết. Cậu chìa rốn ra cho nó cắn đi, không đau đâu, tớ đã thử rồi.

Nhìn hai cái răng của con chuồn chuồn, Toàn thấy ngán ngại... Vừa lúc đó chị Tâm đi học về. Thấy hai đứa cời trần, lại thấy con chuồn chuồn ngô trên tay Hải, chị hiểu ngay câu chuyện. Chị vội đến bên hai đứa và nhắc nhở:

– Các em muốn biết bơi thì phải học bơi đàng hoàng, tin vào chuyện chuồn chuồn cắn rốn biết bơi là có ngày bị đuối nước đấy.

Nghe chị Tâm giải thích, Hải vội buông tay, thả cho con chuồn chuồn bay đi. Vừa nhìn theo con chuồn chuồn, vừa xoa lên cái rốn lồi của mình, Hải thoáng nghĩ: “May quá, nếu không được chị Tâm giải thích, có khi chiều nay mình bị đuối nước cũng nên”.

CÂU HỎI

1. Khi chưa biết bơi, em có nên nhảy xuống sông, hồ chơi đùa không?
2. Việc cho chuồn chuồn cắn rốn có giúp em tự nhiên biết bơi không?
3. Để biết bơi, em phải làm gì?